

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Ông Lê Châu Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Chí Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Nguyễn Bảo L, sinh năm 1978; tại: Châu Phú - An Giang; nơi cư trú: Tổ 01, khóm A, phường T, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc TO, bà Nguyễn Kim PC; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người lớn nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/6/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2000, nơi cư trú: Tổ 22, khóm D, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1960, nơi cư trú: tổ 14, khóm D, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ 28, khóm D1, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 2002, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm 1994, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1995, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 30/12/2019, Trần Nguyễn Bảo L đến quán giải khát Cây Xanh (tổ 03, khóm P, phường C, thành phố K), thấy ví da màu nâu, có 8.500.000 đồng, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hữu Đ để trên bàn nước gần nơi Đ đang chơi bida; lợi dụng sơ hở, L lấy trộm ví da, đón xe Honda đầu chờ đi phường Núi Sam, thành phố K, mua ma túy, thuê phòng nhà nghỉ “Thanh Vân”, gọi điện cho Trần Anh Tuấn đến cùng L sử dụng ma túy; L nói cho Tuấn biết vừa trộm tiền, mua 1.500.000 đồng ma túy; Tuấn xin L 1.200.000 đồng để chuộc đồng hồ, máy tính bảng đã cầm; số tiền còn lại L mua ma túy sử dụng, tiêu xài cá nhân; L đưa Tuấn ví da và giấy tờ tùy thân của Đ, bán cho Huỳnh Thanh T 250.000 đồng; giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, Tuấn cầm cho Đỗ Văn H lấy 400.000 đồng tiêu xài.

Vật chứng thu giữ do Đỗ Văn H, Huỳnh Thanh T giao nộp: Giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Hữu Đ; ví da màu nâu, có dòng chữ WEIER - POLO.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 105/KL-ĐG ngày 12/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: Ví da màu nâu, có dòng chữ WEIER – POLO, trị giá 100.000 đồng.

Ngày 05/6/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K, tỉnh An Giang ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Trần bảo L về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản Cáo trạng số 67/CT-VKSCĐ ngày 24/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Trần Nguyễn bảo L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về xem xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; bị cáo không tiền án, tiền sự, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Bảo L từ 09 tháng đến 01 năm tù; về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự, bị hại Đ đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và số tiền do gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại, không yêu cầu bồi thường gì thêm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông H và T không yêu cầu bị cáo trả lại khoản tiền giao dịch, nên đề nghị không xem xét.

- Về vật chứng: Đề nghị lưu đĩa DVD trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Trần Nguyễn Bảo L khai nhận, khoảng 17 giờ ngày 30/12/2019, bị cáo một mình đi đến quán cà phê “Cây Xanh”, thuộc khóm P, phường C, thành phố K uống nước. Để có tiền mua ma túy sử dụng, bị cáo nảy sinh ý định vào khu vực chơi bida trong quán, tìm tài sản lấy cắp. Khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo thấy em Nguyễn Hữu Đ (sinh năm 2000, nơi cư trú: tổ 22, ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú) để ví da trên bàn nước gần bàn bida em Đ đang chơi, bị cáo đến gần chỗ để ví. Lợi dụng lúc em Đ sơ hở, bị cáo lấy trộm bóp da rồi đi ra ngoài, đón xe ôm vào Núi Sam tìm mua ma túy

rủ Tuấn (bạn nghiện) cùng sử dụng. Ngoài ra bị cáo còn cho Tuấn 500.000 đồng chuộc lại đồng hồ và 700.000 đồng để chuộc máy tính bảng. Riêng cái ví da bị cáo giao cho Tuấn bán cho Huỳnh Thanh T 250.000 đồng, giấy CMND và giấy pháp lái xe Tuấn mang cầm cho Đỗ Văn H được 400.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản; lời khai các bị hại Nguyễn Hữu Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn H, Huỳnh Thanh T và những người làm chứng Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Hùng V, Nguyễn Văn N; vật chứng thu giữ trong vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra và kiểm chứng tại phiên tòa hôm nay.

Từ đó có đủ cơ sở xác định Trần Nguyễn Bảo L đã có hành vi lén lút lấy trộm của bị hại Nguyễn Hữu Đ 01 ví da, trong ví có số tiền 8.500.000 đồng cùng giấy CMND và giấy phép lái xe. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ phải cố gắng lao động tạo ra tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì hám lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự xem thường pháp luật không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý lo sợ bị mất tài sản trong nhân dân. Bên cạnh đó, bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; bị cáo không tiền án, tiền sự, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại toàn bộ vật chứng: Giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Hữu Đ; ví da màu nâu, có dòng chữ WEIER – POLO, nên không đề cập xử lý. Riêng đĩa DVD trích xuất camera ghi hình ảnh phạm tội của bị cáo lưu vào hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về vấn đề khác: Đối với Trần Anh Tuấn sau khi gây án, bỏ trốn, cơ quan điều tra truy nã, tạm đình chỉ, tách vụ án đối với Tuấn, bắt được xử lý sau là phù hợp.

Đối với Huỳnh Thanh T, Đỗ Văn H không biết do tài sản phạm tội mà có, đã cầm, mua ví da, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của Trần Anh Tuấn; tuy không xử lý, nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Bảo L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Bảo L: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 15/6/2020 (mười lăm, tháng sáu, năm hai nghìn không hai mươi).

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Lưu 01 đĩa DVD (lưu dữ liệu đoạn Clip ghi hình ảnh Bảo L có hành vi trộm ví da của bị hại Đ);

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Nguyễn Bảo L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc